

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TCN22B**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH03058**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Dinh dưỡng và thức ăn**

Số TC: **3**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201201478	Châu Chí Bình	05/10/2007			9.6	9	10.0	5.0	9.0		9.6		9.1
2	2256201201479	Phạm Quốc Duy	10/10/2007			10	5	8.0	5.0	3.0		0.0	0.0	2.4
3	2256201201480	Nguyễn Tấn Đạt	18/07/1996			10	5	9.0	5.0	10.0		9.5		8.9
4	2256201201481	Trần Thành Đạt	05/07/2005			9.2	9	7.0	5.0	6.0		7.5		7.2
5	2256201201483	Lương Anh Kiệt	09/09/2007			9.2	9	5.0	8.0	5.0		7.5		7.2
6	2256201201484	Trần Trịnh Quốc Kỳ	02/07/2007			9.2	9	3.0	6.0	5.0		5.2		5.4
7	2256201201485	Nguyễn Thành Lợi	05/07/2001			9.6	9	9.0	10.0	8.0		10.0		9.6
8	2256201201486	Trần Yên Nhi	20/09/2004			8.8	9	10.0	9.0	9.0		10.0		9.7
9	2256201201490	Lê Anh Thư	31/01/2007			9.2	9	5.0	5.0	6.0		6.6		6.5
10	2256201201492	Trần Minh Trí	12/04/2007			9.2	9	10.0	9.0	8.0		7.8		8.3
11	2256201201494	Lê Thị Đông	20/08/1992			9.6	5	9.0	9.0	7.0		10.0		9.2
12	2256201201495	Võ Hải Khoa	09/09/2007			9.6	9	5.0	5.0	5.0		6.6		6.4
13	2256201201496	Cao Chánh Thông	21/08/2007			9.2	9	1.0	5.0	6.0		5.2		5.2
14	2256201201497	Nguyễn Chấn Hưng	04/09/1998											M
15	2256201201498	Nguyễn Văn Sang	22/05/2007			9.2	9	3.0	5.0	9.0		5.8		6.1

Châu Đốc, ngày 18 tháng 7 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Hữu Tam